TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2021/DS-ST
Ngày 08 - 3 - 2021
V/v Tranh chấp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm.
Ông Trịnh Văn Điệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 533/2020/TLST-DS ngày 07/10/2020 về việc *"Tranh chấp hụi",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 21/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2021/QĐST-DS ngày 08/02/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1973 và bà Chiêm Thị B, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2020 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:

Ngày 10/5/2017 âm lịch ông H mở 01 dây hụi loại 1.000.000 đồng (dây 1), hụi gồm có 33 chưng, ông T và bà B tham gia chơi 01 chưng; cùng ngày 10/5/2017 âm lịch ông H mở tiếp 01 dây hụi loại 1.000.000 đồng (dây 2), hụi gồm có 34 chưng, ông T và bà B tham gia chơi 02 chưng; ngày 15/01/2018 âm lịch ông H mở 01 dây hụi loại 1.000.000 đồng, hụi gồm có 33 chưng, ông T và bà B tham gia chơi 01 chưng. Tất cả 03 dây hụi mỗi tháng đều khui 01 lần.

Ông T và bà B bỏ hụi vào kỳ hụi khui ngày 10/5/2018 âm lịch (ở dây 1 khui ngày 10/5/2017 âm lịch), bỏ giá 390.000 đồng, giao số tiền hụi 23.700.000 đồng (đã

trừ cò 500.000 đồng) cho vợ chồng ông T và bà B cùng nhận, dây hụi này ông H xác định ông T và bà B còn nợ 13 lần đến khi mãn hụi tháng 12/2019 âm lịch X 1.000.000 đồng/lần = 13.000.000 đồng. Đối với dây 2 khui ngày 10/5/2017 âm lịch ông T và bà B bỏ hụi vào kỳ đầu tiên khui ngày 10/4/2018 âm lịch hốt 01 chưng, bỏ giá 405.000 đồng, giao số tiền hụi 23.590.000 đồng (đã trừ cò 500.000 đồng) cho vợ chồng ông T và bà B cùng nhận; ngày 10/6/2018 âm lịch ông T và bà B tiếp tục hốt 01 chưng, bỏ giá 400.000 đồng, giao số tiền hụi 24.500.000 đồng (đã trừ cò 500.000 đồng) cho vợ chồng ông T và bà B cùng nhận, dây hụi này ông H xác định ông T và bà B còn nợ 14 lần đến khi mãn hụi tháng 01/2020 âm lịch X 1.000.000 đồng/lần X 02 chưng = 28.000.000 đồng. Dây hụi khui ngày 15/01/2018 âm lịch ông T và bà B bỏ hụi vào kỳ đầu tiền ngày 15/01/2018 âm lịch, bỏ giá 300.000 đồng, giao số tiền hụi 21.900.000 đồng (đã trừ cò 500.000 đồng) cho vợ chồng ông T và bà B cùng nhận, dây hụi này ông H xác định ông T và bà B còn nợ 19 lần đến khi mãn hụi tháng 10/2020 âm lịch X 1.000.000 đồng/lần = 19.000.000 đồng (trong đó có nhuần 02 tháng 4 vào năm 2020). Tất cả các lần giao tiền hụi của 03 dây hụi đều không có làm biên nhận, lý do ông H xác định là anh em ruột trong gia đình, nhưng có mở sổ theo dõi nợ hụi ông T và bà B chưa đóng.

Ông H xác định có nhầm lẫn trong lúc viết đơn khởi kiện nên mới yêu cầu số tiền 85.000.000 đồng và có giải trình thêm sổ theo dõi ông T và bà B chưa đóng hụi có các lần 5.000.000 đồng và 4.000.000 đồng là do ông T và bà B chơi hụi dùm người khác, ông H giao hụi đủ chưng cho ông T và bà B nhận, nhưng ông T và bà B không giao hụi đủ lại cho người khác mà giữ lại 01 số chưng và có nói 01 số chưng ông T và bà B giữ lại thì ông T và bà B đóng (nhưng ông H không có khởi kiện trong vụ án này) và trước đó giữa ông H với ông T và bà B đã có kết nợ với nhau ở 03 dây hụi tổng cộng 110.000.000 đồng (trong đó có mấy chưng hụi mùa), nhưng ông T và bà B không có ký tên, ông H xác định thật sự là ông T và bà B còn nợ ông số tiền 85.000.000 đồng (trong đó có hụi ông T và bà B chơi dùm người khác) nhưng ông H không có kiện trong vụ án này. 03 dây hụi sau khi đã hốt hết các chưng hụi thì ông T và bà B đóng hụi đến hết tháng 10/2018 âm lịch thì không đóng hụi nữa. Các dây hụi hiện nay đã mãn và ông H đã xuất tiền ra đóng hụi thay cho ông T và bà B để hoàn thành nghĩa vụ của chủ hụi với các hụi viên đầy đủ đến khi mãn các dây hụi.

Tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T và bà B trả tổng số tiền hụi là 60.000.000 đồng.

- Lời trình bày của bị đơn Đỗ Văn T tại biên bản làm việc ngày 05/02/2021 có tại hồ sơ, thể hiện:

Ông T cùng vợ là bà B có tham gia chơi với ông H 03 dây hụi loại 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần. Dây hụi khui ngày 10/5/2017 âm lịch, hụi có 33 chưng, ông T và bà B tham gia chơi 01 chưng bỏ hụi giá 390.000 đồng vào ngày 10/5/2018 âm lịch. Dây hụi khui cùng ngày 10/5/2017 âm lịch ông T và bà B tham gia chơi 02 chưng. Dây hụi khui ngày 15/01/2018 âm lịch ông T và bà B tham gia chơi 01 chưng. Tất cả các chưng hụi của 03 dây hụi ông T và bà B đã hốt hết nhưng không nhớ thời gian hốt hụi và ông H đã giao tiền hụi cho vợ chồng ông T và bà B nhận đầy đủ nhưng không nhớ số tiền là bao nhiêu, các lần ông H giao tiền hụi đều không có làm biên nhận. Ông T xác định vợ chồng đã đóng hụi đầy đủ số tiền hụi của 03 dây hụi cho ông H cho đến khi mãn hụi, nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Nay không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Đối với bị đơn Chiêm Thị B: Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của đương sự, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi 60.000.000 đồng.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hụi, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hụi và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hụi"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về phạm vi yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên tòa, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi 60.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận.

[5] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thì xác định được ông T và bà B có tham gia chơi 03 dây hụi loại 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần do ông H làm chủ hụi. Cụ thể dây hụi khui ngày 10/5/2017 âm lịch (dây 1), hụi gồm có 33 chưng, ông T và bà B tham gia chơi 01 chưng; dây hụi khui ngày 10/5/2017 âm lịch (dây 2), hụi gồm có 34 chưng, ông T và bà B tham gia chơi 02 chưng; dây hụi khui ngày 15/01/2018 âm lịch, hụi gồm có 33 chưng, ông T và bà B tham gia chơi 01 chưng. Qua làm việc ông T thừa nhận quá trình tham gia chơi hụi thì vợ chồng ông T và bà B đã bỏ hụi và được hốt tất cả 04 chưng hụi ở 03 dây hụi, đồng thời thừa nhận các lần bỏ hụi được hốt ông H đã giao tiền hụi đầy đủ cho vợ chồng ông T và bà B nhận, nhưng ông T xác định

vợ chồng ông T và bà B đã thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết lại đầy đủ cho ông H đến mãn hụi. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế vợ chồng ông T và bà B đã hốt hụi thì phải có nghĩa vụ thực hiện việc đóng hụi chết lại cho chủ hụi là ông H để ông H thực hiện nghĩa vụ với các hụi viên khác được lãnh hụi là phù hợp, nhưng ông T và bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã hoàn thành nghĩa vụ đóng hụi chết lại cho ông H, nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến phản đối của ông T là đã thực hiện xong nghĩa vụ đóng hụi đến khi mãn hụi, hơn nữa thời điểm ông H khởi kiện và được Tòa án thụ lý là vào ngày 07/10/2020 dương lịch (nhằm ngày 21/8/2020 âm lịch) và dây hụi khui ngày 15/01/2018 âm lịch thì thời gian mãn hụi là tháng 10/2020 âm lịch, nên việc ông T xác định đã thực hiện nghĩa vụ đóng hụi xong đến khi mãn hụi là hoàn T không có sở. Do bị đơn thừa nhận nghĩa vụ, nhưng không chứng minh được đã thanh toán xong nghĩa vụ tiền hụi cho nguyên đơn, nên có căn cứ khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Thực tế, nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ của chủ hụi cho các hụi viên (trong đó có xuất ra khoản tiền 60.000.000 đồng để đóng hụi chết thay cho bị đơn theo các kỳ khui hụi) và do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đóng tiền hụi theo thỏa thuận giữa chủ hụi và hụi viên, đồng thời nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng xác lập, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi 60.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 60.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[6] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn; đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại T bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều

26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Văn H. Buộc bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Chiêm Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Đỗ Văn H số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Chiêm Thị B phải nộp là 3.000.000 đồng.

- Nguyên đơn ông Đỗ Văn H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền 2.125.000 đồng theo biên lai thu số: 0004087 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại T bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải